TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NGỌC HIỂN** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 87/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 29-10-2019
Về việc "Tranh chấp xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGỌC HIỂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Nghi.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Bùi Ngọc Dung.

Ông Dương Thanh Hải.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Như là Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau.

Ngày 29 tháng 10 năm 2019 tại Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 194/2019/TLST- HNGĐ ngày 16 tháng 7 năm 2019 về việc *"Tranh chấp xin ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 93/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 16 tháng 9 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 63/2019/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Lệ T1, sinh năm 1965 (có mặt);

Địa chỉ cư trú: Khóm C, thị trấn C, huyện N, tỉnh C.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn T2, sinh năm 1960 (có mặt);

Địa chỉ cư trú: Ấp X, xã V, huyện N, tỉnh C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 16 tháng 7 năm 2019 và tại phiên tòa bà Trần Lệ T1 trình bày:

Về hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Văn T2 tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1986, không đăng ký kết hôn theo quy định. Trong thời gian chung sống vợ chồng bất đồng quan điểm, thường hay cự cãi nhau, ông T2 thường có hành vi bạo lực gia đình. Hơn nữa hai người tính tình không còn phù hợp nhau, sống với

nhau không cảm thấy hạnh phúc, gia đình có hàn gắn nhưng không thành. Nay bản thân xét thấy không còn tình cảm vợ chồng, hôn nhân không hạnh phúc nên bà yêu cầu ly hôn với ông T2.

Về con chung: Bà và ông T2 có 05 người con chung tên Nguyễn Hồng B, sinh năm 1987, Nguyễn Hồng T, sinh năm 1989, Nguyễn Hồng S, sinh năm 1991, Nguyễn Hồng L, sinh năm 1993 và Nguyễn Hồng T, sinh năm 1995. Con chung hiện nay đã trưởng thành và có khả năng lao động nên bà không yêu cầu giải quyết.

Về chia tài sản, về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại bản tự khai ngày 14 tháng 10 năm 2019 và tại phiên tòa ông Nguyễn Văn T2 trình bày:

Về hôn nhân: Ông và bà Trần Lệ T1 chung sống với nhau vào năm 1986, không đăng ký kết hôn theo quy định. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, tính tình không còn hợp nhau, thường hay cự cãi, ông cũng có đánh bà T1 vài lần, hiện ông và bà T1 đã ly thân với nhau. Nay bà T1 yêu cầu ly hôn ông đồng ý ly hôn.

Về con chung: Ông và bà T1 có 05 người con chung tên Nguyễn Hồng B, sinh năm 1987, Nguyễn Hồng T, sinh năm 1989, Nguyễn Hồng S, sinh năm 1991, Nguyễn Hồng L, sinh năm 1993 và Nguyễn Hồng T, sinh năm 1995. Con chung hiện nay đã trưởng thành và có khả năng lao động nên bà không yêu cầu giải quyết.

Về chia tài sản: Tự thỏa thuận.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bà Trần Lệ T1 khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn T2 địa chỉ trú tại ấp Ấp X, xã V, huyện N, tỉnh C nên yêu cầu của bà T1 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về hôn nhân: Bà Trần Lệ T1 và ông Nguyễn Văn T2 tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1986, không đăng ký kết hôn theo quy định. Tuy nhiên bà Trần Lệ T1 và ông Nguyễn Văn T2 xác lập mối quan hệ vợ chồng trước ngày 03 tháng 01 năm 1987, ngày luật hôn nhân và gia đình năm 1986 có hiệu lực nên hôn

nhân giữa bà Trần Lệ T1 và ông Nguyễn Văn T2 vẫn được pháp luật thừa nhận là hôn nhân thực tế và được pháp luật bảo vệ. Tại phiên tòa bà T1 giữ yêu cầu ly hôn với ông T2 vì cho rằng vợ chồng không còn chung sống với nhau từ năm 2014 đến nay. Tại bản tự khai ngày 14 tháng 10 năm 2019 và tại phiên tòa ông T2 cũng yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với bà T1. Điều này cho thấy tình trạng hôn nhân giữa bà T1 và ông T2 đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Trần Lệ T1 về việc yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn T2.

[3] Về con chung: Bà Trần Lệ T1 và ông Nguyễn Văn T2 có 05 người con chung tên Nguyễn Hồng B, sinh năm 1987, Nguyễn Hồng T, sinh năm 1989, Nguyễn Hồng S, sinh năm 1991, Nguyễn Hồng L, sinh năm 1993 và Nguyễn Hồng T, sinh năm 1995 những người con chung của bà T1 và ông T2 đã trưởng thành và có khả năng tự lao động nuôi sống bản thân nên không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên Tòa không xem xét.

[5] Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà Trần Lệ T1 phải chịu 300.000 đồng. Ngày 16 tháng 7 năm 2019 bà T1 đã dự nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0005815 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Ngọc Hiển được chuyển thu.

[6] Về quyền kháng cáo: Bản án sơ thẩm bà Trần Lệ T1, ông Nguyễn Văn T2 có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng Dân sự;

Áp dụng các Điều 53, 56 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Trần Lệ T1 với ông Nguyễn Văn T2.

2. Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà Trần Lệ T1 phải chịu 300.000 đồng. Ngày 16 tháng 7 năm 2019 bà T1 đã dự nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0005815 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Ngọc Hiển được chuyển thu.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án sơ thẩm chị bà Trần Lệ T1, ông Nguyễn Văn T2 có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Ngọc Hiển;
- Chi cục THADS huyện Ngọc Hiển;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- UBND thành phố Cà Mau;
- Lưu hồ sơ, văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hồng Nghi